

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số:30/2019/DS-ST.

Ngày: 27/6/2019.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
bao tiêu sản phẩm”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **L Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Lập.

2. Ông Cao Phước Nghĩa.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Minh Hậu** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 183/2018/TLST- DS ngày 26 tháng 9 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng bao tiêu sản phẩm*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 3 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2019/QĐST-DS ngày 08/4/2019; Thông báo mở lại phiên tòa số 03/2019/TB-TA ngày 24/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2019/QĐST-DS ngày 11/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công Ty Cổ Phần Đầu Tư VP.**

Địa chỉ: số 608 Cao ốc 7/1, phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Lữ Thị Xuân T**, sinh năm 1977 – Chức vụ: Giám đốc thu mua (có mặt).

Địa chỉ: ấp Long Hưng, xã Long Sơn, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Ranh Hát, xã Bình Giang, huyện HĐ, tỉnh KG.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lý Phú C, sinh năm 1988 (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989 (vắng mặt).
 3. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 19.....(vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: ấp Ranh Hát, xã Bình Giang, huyện HD, tỉnh KG..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/8/2018 và trong quá trình xét xử đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lữ Thị Xuân T trình bày như sau:*

Trước đây vào ngày 26/10/2017 hộ ông Nguyễn Văn Đ có ký hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa Nhật ĐS1 với công ty của chúng tôi là Công ty cổ phần đầu tư VP (gọi tắt là VP). Sau khi ký hợp đồng xong phía Công ty đã giao cho ông Đ số tiền cọc là 111.500.000 đồng, diện tích lúa ký hợp đồng là 290 công tầm điền với giá chết đầu vụ là 5.800 đồng.

Vào thời điểm thu hoạch lúa đợt đầu là 67 công, hai bên đã thỏa thuận được ngày cắt lúa và ngày cân lúa. Khi ông Đ thu hoạch lúa xong thì Công ty đã bố trí phương tiện và nhân viên để vào thu lúa nhưng phía ông Đ không hợp tác, ruộng của ông Đ nằm trong kênh nên không thể đi bộ vào mà phải có người đưa bằng ghe thì mới vào ruộng được, công ty đã nhiều lần yêu cầu ông Đ cho ghe ra rước người của công ty nhưng ông Đ không đồng ý, đến chiều ngày 27/02/2018 ông Đ cho ghe ra rước thì nhân viên công ty chúng tôi yêu cầu ông Đ chờ thêm tý để tăng C người nhưng ông Đ bỏ về không chịu chờ nhân viên của chúng tôi.

Từ lý do này nên công ty chúng tôi không thể thu mua lúa của ông Đ được, việc công ty chúng tôi không thu mua lúa của ông Đ được là do phía ông Đ không hợp tác, gây khó khăn và muốn tự ý chấm dứt hợp đồng với công ty để bán lúa ra ngoài. Do đó Công ty cổ phần đầu tư VP yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ phải trả lại số tiền cọc đã nhận của Công ty là 111.500.000 đồng. Đồng thời phải bồi thường do đã tự ý chấm dứt hợp đồng với Công ty, số tiền bồi thường là 111.500.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 223.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Ông Nguyễn Văn Đ thừa nhận ông có ký hợp đồng với Công ty VP, diện tích là 290 công tầm điền tương đương 223 công tầm cắt, giá thỏa thuận là 5.800đồng/kg. Ông Đ đã nhận trước số tiền cọc là 111.500.000 đồng của phía Công ty, tuy nhiên hợp đồng này ông Đ ký dùm cho ba người là ông Nguyễn Văn S ngụ cùng ấp (67 công), ông Lý Phú C và bà Nguyễn Thị L (156 công); còn lại của ông là 14 công. Số tiền cọc nhận của công ty ông đã giao cho những người này cụ thể: ông giao cho ông S số tiền 33.500.000 đồng, ông C và bà L số tiền là 78.000.000 đồng.

Đối với 65 công của ông S thì Công ty VP cho nhân viên xuống thăm định ngày cắt lúa là 21/02/2018 âm lịch. Tuy nhiên phía công ty không thực hiện đúng hợp đồng, đến ngày 23/02/2018 mới cho phương tiện xuống thu mua lúa, nhưng sau đó công ty tự ý bỏ đi không chịu cân lúa, còn phần của ông C và bà L thì ông Đ có báo cho nhân viên xuống thăm định ngày cắt lúa là ngày 27/02/2018 âm lịch, ngày 28/02/2018 là ngày cân lúa nhưng phía công ty không xuống cân lúa theo hợp đồng. Do lúa đã cắt xong mà công ty không xuống cân nên ông Đ phải bán ra ngoài cho thương lái khác.

Nay Công ty VP yêu cầu ông Đ trả lại số tiền cọc 111.500.000 đồng. Đồng thời phải bồi thường do đã tự ý chấm dứt hợp đồng với Công ty, số tiền bồi thường là 111.500.000 đồng. Tổng cộng là 223.000.000 đồng thì ông Đ không đồng ý, ông Đ chỉ đồng ý hỗ trợ cho công ty số tiền cọc là 60.000.000 đồng, do việc không thực hiện được hợp đồng này là lỗi cho Công ty VP.

Tại phiên tòa ông Đ thừa nhận sự việc tranh chấp phía công ty VP có báo cho chính quyền địa phương, phía chính quyền địa phương cụ thể là Công an xã Bình Giang có liên hệ với ông để hai bên thuận lợi trong việc cắt lúa nhưng việc hợp đồng không thực hiện được là do lỗi của Công ty VP, phía ông đã hẹn ngày xuống cân lúa nhưng công ty lại không xuống, buộc các hộ dân này phải bán lúa ra ngoài để tránh thiệt hại.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Phú C trình bày:*

Việc ông Nguyễn Văn Đ và Công ty VP ký hợp đồng như thế nào thì ông không biết, ông và ông Đ có thỏa thuận miệng lấy phần đất của ông và bà L là 158 công tằm cắt để ông Đ ký hợp đồng với công ty. Sau khi ký hợp đồng xong thì ông Đ có giao tiền cọc cho ông C. Nay Công ty khởi kiện yêu cầu ông Đ trả lại số tiền cọc và bồi thường hợp đồng thì ông không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Việc ông Nguyễn Văn Đ và Công ty VP ký hợp đồng như thế nào thì bà không biết, bà và ông Đ có thỏa thuận miệng lấy phần đất của bà và ông C là 158 công tằm cắt để ông Đ ký hợp đồng với công ty. Sau khi ký hợp đồng xong thì ông Đ có giao tiền cọc cho bà. Nay Công ty VP khởi kiện yêu cầu ông Đ trả lại số tiền cọc và bồi thường hợp đồng thì bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã đến nhà để tiến hành tổng đạt hợp L Thông báo thụ lý, các tài*

liệu chứng cứ, các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông S vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Mặt khác cho đến thời điểm mở phiên tòa hôm nay Tòa án vẫn không nhận được văn bản ý kiến nào của ông S về yêu cầu khởi kiện của công ty VP đối với ông Đ. Do đó nên ông S không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất , tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện công ty cổ phần đầu tư VP. Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải trả cho công ty cổ phần đầu VP số tiền cọc đã nhận của Công ty là 111.500.000 đồng; số tiền bồi thường hợp đồng là 111.500.000 đồng. Tổng cộng số tiền phải thanh toán cho công ty VP là 223.000.000 đồng. Đối với số tiền cọc 111.500.000 đồng phía ông Đ đã giao cho ông S, ông C và bà L thì ông có quyền khởi kiện họ ở một vụ kiện dân sự khác nếu ông có yêu cầu. Đồng thời buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng bao tiêu sản phẩm giữa nguyên đơn Công ty cổ phần đầu tư VP với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ. Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đối với ông Nguyễn Văn S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập họp L đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại

phiên tòa. Căn cứ các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Qua các lời khai và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án HĐXX nhận thấy: Vào ngày 26/10/2017 ông Nguyễn Văn Đ có ký hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa Nhật ĐS1 với Công ty cổ phần đầu tư VP (gọi tắt là VP). Sau khi ký hợp đồng xong phía Công ty VP đã giao cho ông Đ số tiền cọc là 111.500.000 đồng, diện tích lúa ký hợp đồng là 290 công với giá chết đầu vụ là 5.800 đồng/kg. Công ty đã giao cho ông Đ số tiền cọc là 111.500.000 đồng là đúng sự thật và ông Đ cũng thừa nhận có nhận số tiền cọc này.

Do quá trình thực hiện hợp đồng với công ty ông Đ đã vi phạm hợp đồng mặc dù phía công ty VP đã nhiều lần làm việc với ông Đ, đã được UBND xã Bình Giang tiến hành hòa giải nhưng sau nhiều lần làm việc phía ông Đ vẫn không trả lại số tiền cọc trên cho Công ty VP nên công ty VP đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn Đ phải trả lại số tiền cọc đã nhận của Công ty là 111.500.000 đồng. Đồng thời phải bồi thường số tiền là 111.500.000 đồng do đã tự ý chấm dứt hợp đồng với Công ty. Tổng cộng số tiền là 223.000.000 đồng. Trong khi đó ông Đ cho rằng hợp đồng ký với công ty VP là do ông ký dùm cho ba người là ông Nguyễn Văn S (65 công tầm lớn), ông Lý Phú C và bà Nguyễn Thị L (158 công tầm lớn) và số tiền cọc nhận của công ty ông đã giao cho những người này, việc hợp đồng không thực hiện được là do lỗi của Công ty VP, đã hẹn ngày xuống cân lúa nhưng lại không xuống, buộc các hộ dân này phải bán lúa ra ngoài để tránh thiệt hại. Do đó ông Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của phía Công ty VP, ông chỉ có thể hỗ trợ cho phía Công ty số tiền cọc là 60.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: yêu cầu khởi kiện của Công ty VP đối với ông Nguyễn Văn Đ là có cơ sở để được chấp nhận. Bởi lẽ, theo hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa (vụ lúa Đ Xuân 2017-2018) vào ngày 26/10/2017 ký kết giữa Công ty cổ phần đầu tư VP với phía ông Nguyễn Văn Đ đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo Điều 385, Điều 386, Điều 398 và Điều 401 mà Bộ luật dân sự năm 2015 quy định. Vì vậy hợp đồng bao tiêu sản phẩm giữa công ty với ông Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện và tại biên bản hòa giải tại UBND xã Bình Giang vào ngày 27/6/2018 (BL số 09, 10, 11) thì phía ông Đ trình bày như sau: *“Khi ký kết hợp đồng hai bên đã thống nhất nội dung đến ngày cắt lúa*

đợt I tổng số 67 công, công ty đã thăm định cho ngày cắt, tôi cắt lúa đã hai ngày nhưng công ty đến ngày thứ 3 mới vào cân lúa, hai bên cự cãi và không lấy được lúa, tôi sợ thất thoát và kiếm người bán ra bên ngoài. Đến đợt cắt lúa lần II tổng diện tích còn lại tôi có báo cho công ty, công ty cho người xuống thăm định để định ngày cắt lúa. Phía công ty có xuống thăm định cho ngày cắt là ngày 27/02/2018, tới ngày cắt lúa tôi điện cho công ty không được, tôi cắt lúa bán ra bị thiệt hại và hao hụt, công ty không còn cân lúa nên tôi đã bán ra bên ngoài. Nay công ty đòi lấy lại tiền đặt cọc thì tôi không thống nhất trả lại cho công ty số tiền 111.5000.000 đồng, tôi chỉ trả lại cho công ty số tiền 60.000.000 đồng”.

Như vậy, theo hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa (vụ lúa Đ Xuân 2017-2018) vào ngày 26/10/2017 ký kết giữa Công ty cổ phần đầu tư VP với phía ông Nguyễn Văn Đ đều quy định rõ thời gian, địa điểm, chi phí vận chuyển và bốc xếp thu mua lúa. Do đó hợp đồng này là hoàn toàn phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Phía ông Nguyễn Văn Đ vi phạm hợp đồng thì phải có trách nhiệm thanh toán lại cho công ty VP số tiền cọc và tiền bồi thường hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 25/4/2019 phía bà T cho rằng thời điểm cân lúa phía công ty đã đưa phương tiện vào để cân lúa nhưng phía ông Đ cố tình gây khó dễ, kéo dài không cho công ty vào cân lúa nên bà T có báo cho ông Nguyễn Sinh Cang là tổ trưởng tổ kinh tế kỹ thuật nông lâm ngư nghiệp xã Bình Giang để tìm hướng giải quyết nhưng phía ông Đ vẫn không tạo điều kiện cho phía công ty vào thu mua cân lúa. Xét thấy Tòa án đã tiến hành xác minh đối với ông Cang thì ông Cang trình bày như sau: *“Vào ngày hôm đó là ngày đợt thanh minh, phía bà T có gọi điện báo cho tôi biết sự việc ông Đ không cho công ty cân lúa. Tôi có gọi điện cho ông Đ nhiều lần để động viên ông Đ cân lúa cho công ty và đưa phương tiện ra đón nhân công bốc vác vào cân lúa. Tuy nhiên ông Đ nói ông ấy đang đi Hà Tiên, ông Đ sẽ gọi lại cho người nhà để bố trí việc cân lúa. Sau đó không thấy bà T và ông Đ gọi lại nên tôi nghĩ hai bên đã thỏa thuận cân lúa xong...”*.

Như vậy sự việc xảy ra phía ông Nguyễn Văn Đ không cho phía công ty vào cân lúa thì phía công ty đã báo cho chính quyền địa phương để giải quyết và ông Đ cũng thừa nhận vào thời điểm cắt lúa phía chính quyền địa phương có điện thoại cho ông nhưng ông cho rằng phía bên Công ty VP, đã hẹn ngày xuống cân lúa nhưng lại

không xuống, buộc các hộ dân này phải bán lúa ra ngoài để tránh thiệt hại. Tuy nhiên ông Đ không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình.

Xét thấy: phía ông Nguyễn Văn Đ trong quá trình hòa giải tại UBND xã Bình Giang và tại tòa án đều trình bày phía công ty VP cũng có một phần lỗi trong việc ký kết hợp đồng này. Tuy nhiên phía đại diện công ty thì cho rằng phía ông Đ cố tình và tự ý bán lúa ra ngoài, không bán lúa cho công ty nên đã gây thiệt hại cho công ty. Qua quá trình làm việc tại tòa án phía ông Đ cũng không chứng minh được những vấn đề mà ông cho rằng phía công ty cũng có vi phạm nên không có cơ sở để được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Đồng thời tại phiên tòa phía ông Đ thừa nhận sự việc tranh chấp, cự cãi giữa hai bên vào thời gian trước đây phía công ty VP có báo với chính quyền địa phương, phía chính quyền địa phương cụ thể là công an xã có liên hệ với ông Đ để tìm phương án giải quyết. Phía ông Đ cũng thừa nhận phía công ty VP có đem ghe trọng tải lớn xuống để đợi thu mua lúa. Do đó chứng tỏ phía công ty qua các lần thu mua lúa nhưng bị hộ nông dân bẻ giao kèo, không cho công ty cân lúa là sự thật. Sự việc này đã gây thiệt hại cho phía công ty. Bởi vì phía công ty khi ký kết hợp đồng với các hộ nông dân thì phía công ty cũng bị thiệt hại đối với chi phí vận chuyển để thu mua lúa; đồng thời phía công ty cũng bị thiệt hại do nếu không thu mua lúa được cho công ty không thể giao lúa cho bên thứ 3 mà phía công ty đã ký kết hợp đồng.

Mặt khác, phía ông Đ cho rằng ông là người ký kết hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa với công ty VP nhưng ông chỉ ký dùm cho ba người là ông Nguyễn Văn S, ông Lý Phú C và bà Nguyễn Thị L và số tiền cọc nhận của công ty ông đã giao cho những người này. Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình làm việc phía ông C và bà L đều thừa nhận có nhận số tiền cọc mà ông Đ giao, còn phía ông S Tòa án đã nhiều lần mời ông S Ln tòa án để làm việc nhưng ông S vẫn không chấp hành giấy triệu tập của tòa án. Tuy nhiên ông C và bà L lại cho rằng không biết gì đến việc ký kết hợp đồng giữa công ty VP với ông Đ và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, ông bà không biết gì đến việc này. Xét thấy, ông Đ đã thừa nhận có nhận số tiền cọc của Công ty VP là 111.500.000 đồng và thừa nhận có ký kết hợp đồng với phía Công ty VP nên phải có trách nhiệm thanh toán lại số tiền đã nhận cọc cho phía công ty và phải bồi thường theo hợp đồng đã ký kết với công ty. Còn việc ông có đưa tiền cọc cho các hộ dân như thế nào thì ông có quyền khởi kiện họ ở một vụ kiện dân sự khác nếu ông có yêu cầu.

Từ những lập luận và viện dẫn nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy phía ông Nguyễn Văn Đ là người có lỗi hoàn toàn đối với hợp đồng đã ký kết với công ty, đã gây thiệt hại cho phía Công ty cổ phần đầu tư VP thì ông Đ phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền cọc là 111.500.000 đồng cho Công ty và tiền bồi thường hợp đồng theo như hợp đồng là 111.500.000 đồng mà ông Đ đã ký kết với công ty. Tổng cộng số tiền phải thanh toán cho công ty VP là 223.000.000 đồng. Do đó yêu cầu khởi kiện của phía Công ty cổ phần đầu tư VP là có căn cứ để được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

Đối với ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở để được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

[3] Về án phí DSST: Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.150.000 đồng (223.000.000đ x 5%).

Công ty cổ phần đầu tư VP không phải chịu án phí, trả lại cho Công ty cổ phần đầu tư VP số tiền tạm ứng án phí là 5.575.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006999 ngày 06/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 385, Điều 386, Điều 398 và Điều 401 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần đầu tư VP.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải trả cho Công ty cổ phần đầu tư VP số tiền là 223.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi ba triệu đồng) theo hợp đồng liên liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa ngày 26/10/2017.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Về án phí DSST: Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.150.000 đồng.

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần đầu tư VP số tiền tạm ứng án phí là 5.575.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006999 ngày 06/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

3/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

L Văn An